

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

PHẠM THỊ HOA NHÀN

**QUẢN TRỊ RỦI RO LÃI SUẤT
TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
TẠI NGÂN HÀNG VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
CHI NHÁNH QUẢNG BÌNH
(VPBANK QUẢNG BÌNH)**

Chuyên ngành: Tài chính – Ngân hàng

Mã số: 60.34.20

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng - Năm 2012

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. NGUYỄN TRƯỜNG SƠN

Phản biện 1: TS. NGUYỄN HÒA NHÂN

Phản biện 2: TS. TRẦN NGỌC SƠN

Luận văn đã được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 19 tháng 02 năm 2012.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng

Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Rủi ro lãi suất là một trong những rủi ro đặc thù của các Ngân hàng thương mại. Rủi ro lãi suất có ảnh hưởng rất lớn đến thu nhập cũng như giá trị vốn chủ sở hữu của Ngân hàng vì thu nhập từ lãi và chi phí từ lãi là những nguồn thu và các khoản chi lớn nhất của hầu hết các NHTM.

Để đáp ứng yêu cầu hội nhập với nền kinh tế quốc tế trong lĩnh vực Tài chính - Tiền tệ, tất yếu Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam (NHNN) đang trong tiến trình điều hành lãi suất theo hướng tự do hoá, điều này vừa tạo động lực cho các Ngân hàng thương mại tự chủ trong kinh doanh, nhưng cũng mang lại những thách thức về rủi ro lãi suất, do lãi suất sẽ được hình thành từ thị trường và các NHTM chỉ là người chấp nhận lãi suất (giá) chứ không phải là người tạo lãi suất (giá).

Thực tế từ năm 2008 cho đến nay, với chính sách thắt chặt tiền tệ của Chính phủ, thị trường tiền tệ nóng lên chưa từng thấy trong lịch sử nền kinh tế Việt Nam, vốn VNĐ khan hiếm. Các ngân hàng sử dụng lãi suất như một vũ khí lợi hại trong “cuộc chiến” giành giật thị phần, lãi suất huy động rất cao tạo ra nhiều rủi ro cho các ngân hàng. Tuy nhiên, hiện nay Hệ thống ngân hàng (NH) Việt Nam nói chung và Ngân Hàng VPBank Quảng Bình nói riêng vẫn chưa có được cách tiếp cận khoa học và theo chuẩn mực quốc tế đối với quản trị rủi ro lãi suất. Rủi ro lãi suất vẫn xuất hiện và tác động đến nhiều mặt hoạt động của ngân hàng.

Thực trạng trên đã đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết nhằm giúp VPBank Quảng Bình kiểm soát và hạn chế rủi ro lãi suất, giúp ngân hàng phát triển an toàn và bền vững. Đề tài: ***“Quản trị rủi ro lãi suất***

trong hoạt động kinh doanh tại Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng chi nhánh Quảng Bình (VPBank Quảng Bình)” được chọn làm luận văn để giải quyết các vấn đề đó.

2. Mục đích nghiên cứu

- Hệ thống hóa lý luận về quản trị rủi ro lãi suất.
- Khảo sát, đánh giá thực trạng Quản trị rủi ro lãi suất tại VPBank Quảng Bình.
- Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác Quản trị rủi ro lãi suất tại VPBank Quảng Bình.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- **Đối tượng nghiên cứu:** Những vấn đề lý luận về lãi suất và Quản trị rủi ro lãi suất tại NHTM cũng như các chính sách và hoạt động thực tiễn về Quản trị rủi ro lãi suất tại VPBank Quảng Bình, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp về vấn đề Quản trị rủi ro lãi suất tại VPBank Quảng Bình.

- Phạm vi nghiên cứu:

Luận văn nghiên cứu giới hạn về thực tế hoạt động Quản trị rủi ro lãi suất tại VPBank Quảng Bình và đề xuất một số giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác Quản trị rủi ro lãi suất tại chi nhánh cũng như áp dụng tại các chi nhánh thuộc hệ thống VPBank.

4. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, hoàn thiện, luận văn dựa trên cơ sở vận dụng phép duy vật biện chứng kết hợp với các phương pháp như:

- Phương pháp phân tích.
- Phương pháp thống kê, tổng hợp.
- Phương pháp so sánh.

Đồng thời dựa vào các lý luận, quan điểm kinh tế, tài chính và định hướng phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước, xuất phát từ thực tiễn để làm sáng tỏ các vấn đề nghiên cứu.

5. Kết quả những nghiên cứu trước về rủi ro lãi suất tại VPBank Quảng Bình.

Tại VPBank Quảng Bình, chưa có nghiên cứu nào về rủi ro lãi suất.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

- Nhận thức và hoàn thiện những lý luận cơ bản về lãi suất và quản trị rủi ro lãi suất.

- Đánh giá những mặt đạt được và chưa được của công tác quản trị rủi ro lãi suất tại VPBank Quảng Bình, trên cơ sở đó đề ra các giải pháp góp phần hạn chế rủi ro lãi suất tại chi nhánh.

- Ứng dụng những phương pháp quản trị rủi ro lãi suất khoa học vào hoạt động tại chi nhánh.

7. Kết cấu của luận văn

- Ngoài lời mở đầu, kết luận, mục lục, tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương :

- + Chương 1 : Cơ sở lý luận về quản trị rủi ro lãi suất tại các NHTM.
- + Chương 2 : Thực trạng Quản trị rủi ro lãi suất tại VPBank Quảng Bình.
- + Chương 3 : Các giải pháp hoàn thiện Quản trị rủi ro lãi suất tại VPBank Quảng Bình.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO LÃI SUẤT

TẠI NHTM

1.1 Cơ sở lý luận về rủi ro lãi suất

1.1.1. Lãi suất và vai trò của lãi suất đối với NHTM

1.1.1.1 Lãi suất

- Theo C. Mác, lãi suất là một phần giá trị thặng dư mà người đi vay tạo ra và được trả cho người cho vay từ quá trình chu chuyển vốn tín dụng theo công thức T-T' và được xác định bằng tỷ lệ giữa tổng lợi tức thu được từ vốn cho vay trong thời gian một năm so với vốn cho vay.

- Lãi suất hay lợi tức được hình thành từ tỷ suất lợi nhuận của người đi vay do đó luôn nhỏ hơn tỷ suất lợi nhuận bình quân của nền kinh tế.

- Một số khái niệm về lãi suất của các nhà kinh tế học hiện đại như Keynes, Marshall, Peter S.Rose.

Phát biểu lại khái niệm lãi suất: “ *Lãi suất là giá cả của một khoản vay, phần giá trị dôi ra ngoài số vốn gốc ban đầu mà người đi vay trả cho người cho vay về việc sử dụng vốn của người đó trong một khoản thời gian nhất định*”.

Lãi suất được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa giá trị dôi ra và số vốn gốc ban đầu trong một khoảng thời gian nhất định, thường là một năm.

Lãi suất trong kinh doanh ngân hàng gồm:

- Lãi suất tiền gửi
- Lãi suất cho vay
- Lãi suất hiệu dụng

1.1.1.2. Vai trò của lãi suất đối với NHTM

- Lãi suất đóng vai trò như một đòn bẩy kinh tế cực kỳ lợi hại trong một ngân hàng.

- Trong hoạt động huy động vốn: lãi suất cho phép ngân hàng xác định qui mô nguồn vốn phù hợp với các mức lãi suất và chi phí chấp nhận được.

- Trong hoạt động cho vay: lãi suất cho phép ngân hàng chọn lựa được khách hàng mình mong muốn.

- Tóm lại, lãi suất tác động đến cả đầu vào và đầu ra của ngân hàng, nên khi lãi suất thay đổi ngân hàng sẽ đối mặt với một loại rủi ro tiềm tàng, đó là rủi ro lãi suất.

1.1.2 Rủi ro lãi suất.

1.1.2.1 Khái niệm rủi ro lãi suất.

- Timothy W.Koch cho rằng: Rủi ro lãi suất là sự thay đổi tiềm tàng về thu nhập lãi ròng và giá thị trường của vốn ngân hàng xuất phát từ sự thay đổi của mức lãi suất.

- Rủi ro lãi suất là những rủi ro mà các chủ thể kinh tế gặp phải khi có biến động lãi suất. Nếu như toàn bộ các chủ thể kinh tế đều có nguy cơ gặp rủi ro thì tất nhiên ngân hàng và các tổ chức tín dụng cũng là những đơn vị dễ gặp rủi ro nhất do đặt thù hoạt động của tổ chức này. Rủi ro lãi suất phát sinh khi lãi suất ngân hàng thay đổi làm Ngân hàng bị thiệt hại do giảm lợi nhuận và giảm giá trị ròng của ngân hàng. - Lê Văn Tư

Khái niệm về rủi ro lãi suất của Timothy W.Koch chỉ rõ bản chất của rủi ro lãi suất hơn.

- Yếu tố làm xuất hiện rủi ro lãi suất: Lãi suất biến động và lợi nhuận của NH giảm do chênh lệch lãi suất đầu ra - đầu vào giảm hoặc giá trị ròng của NH giảm.

1.1.2.2. Nguyên nhân của rủi ro lãi suất

Sự không phù hợp về kỳ hạn, tính thanh khoản và qui mô của tài sản so với kỳ hạn, tính thanh khoản và qui mô của nợ.

1.1.2.3. Các dạng rủi ro lãi suất và tác động của nó đến hoạt động ngân hàng

- *Rủi ro tái tài trợ* (Refinancing risk): Rủi ro mà lợi nhuận của ngân hàng giảm do chi phí tái huy động vốn cao hơn tiền lãi của các khoản đầu tư khi kỳ hạn của tài sản đầu tư dài hơn kỳ hạn của vốn huy động (Short-funded) khi lãi suất thị trường tăng.

- *Rủi ro tái đầu tư* (Reinvestment Risk): Là rủi ro mà lợi nhuận ngân hàng giảm do thu nhập từ lãi của các tài sản đầu tư thấp hơn chi phí tái huy động vốn do kỳ hạn của tài sản đầu tư ngắn hơn kỳ hạn của vốn huy động (Long-funded) trong điều kiện lãi suất thị trường giảm.

- *Rủi ro giá trị thị trường* (Market Value Risk): Là rủi ro mà giá trị ròng của ngân hàng (Giá trị thị trường của vốn chủ sở hữu) giảm do biến động bất lợi trong giá trị thị trường của tài sản và nợ.

1.2 Quản trị rủi ro lãi suất trong NHTM

1.2.1 Mục tiêu của quản trị rủi ro lãi suất trong NHTM.

+ Mục tiêu mang tính đầu cơ trước sự biến động của lãi suất - gắn với chiến lược bảo vệ chủ động.

+ Mục tiêu bảo vệ thuần: Hạn chế tới mức tối thiểu mọi ảnh hưởng xấu của sự biến động lãi suất đến thu nhập của ngân hàng.

1.2.2 Quy trình quản trị rủi ro lãi suất.

- Quy trình quản trị rủi ro lãi suất là một quá trình gắn với việc quản trị tài sản nợ- tài sản có, và phải bao gồm các bước sau:

Xác định rủi ro (Nhận dạng): là giai đoạn ngân hàng dự đoán sự biến động của lãi suất và nhận biết chiều hướng ảnh hưởng của lãi suất đối với ngân hàng.

Đo lường rủi ro (Đánh giá): Sử dụng các mô hình để định lượng rủi ro lãi suất. Các mô hình NH thường sử dụng: Mô hình kỳ hạn đến hạn, mô hình định giá lại và mô hình thời lượng.

Giám sát rủi ro lãi suất (Kiểm soát): gồm các chiến lược sau:

- + Né tránh/ Từ bỏ (Avoidance)/Elimination
- + Giảm thiểu (Reduction)
- + Ngăn ngừa (Prevention)
- + Chuyển giao (Transfer)

Tài trợ rủi ro: việc chuẩn bị các nguồn tài chính để bù đắp khi rủi ro lãi suất xảy ra.

1.2.3. Các phương pháp quản trị rủi ro lãi suất

Các NHTM thường sử dụng các phương pháp Quản trị rủi ro lãi suất như sau:

- Phương pháp quản trị độ lệch (khe hở) nhạy cảm lãi suất (GAPrs)

+ Phân tích độ lệch (khe hở) nhạy cảm lãi suất :GAPrs

$$\text{GAPrs} = \begin{array}{c} \text{Tài sản nhạy} \\ \text{cảm lãi suất} \end{array} - \begin{array}{c} \text{Nợ nhạy cảm} \\ \text{lãi suất} \end{array}$$

GAPrs = 0 , không có rủi ro lãi suất

GAPrs <0 , rủi ro lãi suất xuất hiện nếu lãi suất tăng

GAPrs >0, rủi ro lãi suất xuất hiện nếu lãi suất giảm

+ Quản trị độ lệch (khe hở) nhạy cảm lãi suất

Chiến lược quản trị chủ động (Bảo vệ năng động):

Sự tiên đoán lãi suất tăng thường đi kèm với một độ lệch dương. Nếu dự đoán lãi suất giảm, nhà quản trị sẽ đưa danh mục đến độ lệch âm.

+ Chiến lược quản trị thụ động (Chiến lược bảo vệ thuần): Nhằm mục tiêu là bảo vệ thu nhập của ngân hàng trước biến động của lãi suất. Một chiến lược thụ động nhằm hạn chế những bất ổn trong thu nhập lãi. Chiến lược thụ động nhằm vào việc duy trì sự cân bằng giữa giá trị tài sản nhạy cảm và nợ nhạy cảm lãi suất.

- Phương pháp quản trị độ lệch (khe hở) thời lượng.

Thời lượng (D- Duration) là thời gian đo lường trung bình đối với các khoản lưu chuyển tiền tệ của các chứng khoán hoặc các dòng tiền thu về gồm vốn gốc và lãi của các khoản cho vay. Được xác định trên cơ sở giá trị hiện tại của các dòng tiền trong tương lai.

+ Quản trị độ lệch thời lượng.

Khi trạng thái độ lệch thời lượng dương (thời lượng tài sản dài hơn thời lượng nợ). Lãi suất tăng sẽ làm giảm giá trị thị trường của vốn và ngược lại trong trạng thái độ lệch thời lượng âm lãi suất tăng sẽ làm tăng giá trị thị trường của vốn và ngược lại . Nếu độ lệch bằng không thì sự biến động của lãi suất không ảnh hưởng đến giá trị thị trường của vốn.

+ Chiến lược quản trị chủ động sẽ tìm cách nâng cao thu nhập kèm theo sự thay đổi thời lượng trước khi có sự biến động của lãi suất.

Ngược lại, chiến lược quản trị thụ động, hướng đến việc sắp xếp để cho thời lượng tài sản bằng thời lượng nợ để tránh tổn thất khi lãi suất biến động.

1.2.4. Các nhân tố ảnh hưởng và vai trò ý nghĩa của Quản trị rủi ro lãi suất đối với NHTM

1.2.4.1 Các nhân tố ảnh hưởng

- Nhân tố bên ngoài ngân hàng: Môi trường kinh tế vĩ mô, hành lang pháp lý về vấn đề quản trị rủi ro lãi suất của NHNN, Địa bàn hoạt động của NH .

- *Nhân tố bên trong Ngân hàng:*

- + Trình độ của nhân đội ngũ quản trị viên, nhân viên ngân hàng
- + Năng lực ngân hàng .
- + Ý chí của lãnh đạo đơn vị

1.2.4.2 Vai trò, ý nghĩa của quản trị rủi ro lãi suất trong ngân hàng thương mại

- Quản trị rủi ro lãi suất giúp ổn định thu nhập, hạn chế rủi ro, đảm bảo giá trị vốn ngân hàng
- Quản trị rủi ro lãi suất giúp tăng cường tính an toàn, ổn định trong kinh doanh.
- Quản trị rủi ro lãi suất giúp phát huy lợi thế cạnh tranh.

Chương 2

THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ RỦI RO LÃI SUẤT TẠI VPBANK QUẢNG BÌNH

2.1. Giới thiệu chung về VPBank Quảng Bình

2.1.1 Lịch sử hình thành

2.1.2 Một số kết quả hoạt động kinh doanh của VPBank Quảng Bình thời gian qua.

2.1.2.1 Kết quả hoạt động huy động vốn.

Nguồn huy động của chi nhánh tăng trưởng khá bền vững - thể hiện qua sự gia tăng liên tục của nguồn tiền gửi từ dân cư - (Bảng 2.1). Tuy nhiên điều bất lợi đối với chi nhánh chủ yếu là nguồn tiền gửi kỳ hạn ngắn và thị phần về hoạt động này của chi nhánh trên địa bàn đang sụt giảm.

2.1.2.2 Kết quả hoạt động sử dụng vốn.

- Dự nợ công ty TNHH, kinh tế cá thể trong đó chủ yếu là cho vay kinh doanh thương mại và cá nhân hộ gia đình chiếm tỷ trọng cao và tăng ổn định, phản ánh đúng thế mạnh đặc thù của chi nhánh là ngân hàng bán lẻ (trên 60% tổng dư nợ)- Bảng 2.2

- Dự nợ cho vay ngắn hạn chiếm tỷ trọng 75-85% trong tổng dư nợ. Nhìn chung, cơ cấu dư nợ của chi nhánh là phù hợp với tình hình phát triển và nguồn vốn huy động của toàn hệ thống. Trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế cũng như hệ thống ngân hàng, cuộc chạy đua lãi suất của ngân hàng đang diễn ra khốc liệt như hiện nay, việc huy động nguồn vốn dài hạn rất khó khăn, các ngân hàng chủ yếu là huy động vốn ngắn hạn nên việc phát triển cho vay trung dài hạn của chi nhánh còn hạn chế.

2.1.2.3 Kết quả hoạt động kinh doanh.

- Mặc dù mới thành lập được 3 năm, hoạt động của VPBank Quảng Bình thời gian qua đã có những lợi thế nhất định và đã đạt được nhiều kết quả khả quan.- Bảng 2.3.

- Thu, chi từ lãi vẫn chiếm tỷ trọng rất cao trong tổng thu, tổng chi của ngân hàng.

2.2 Chính sách lãi suất của NHNN Việt Nam ảnh hưởng đến công tác quản trị rủi ro lãi suất của các NHTM.

- NHNN điều hành lãi suất theo cơ chế khác nhau, công tác quản trị lãi suất của các NHTM cũng khác theo.

- Cùng với thời gian và xu thế hội nhập, cơ chế điều hành lãi suất của NHNN đang từng bước hướng đến tự do hoá lãi suất.

- Diễn biến cơ chế điều hành lãi suất của NHNN Việt Nam thời gian qua có thể được khái quát như sau:

- + Giai đoạn lãi suất cơ bản với biên độ (Từ tháng 8/2000)

+ Giai đoạn lãi suất thả nổi (30/5/2002)- Quyết định 546/QĐ-NHNN

+ Giai đoạn điều hành theo lãi suất cơ bản (16/05/2008) - Quyết định 16/QĐ- NHNN.

+ Giai đoạn điều hành theo lãi suất thả nổi.

2.3 Thực trạng quản trị rủi ro lãi suất tại VPBank Quảng Bình

2.3.1. Diễn biến lãi suất trong kinh doanh và rủi ro lãi suất tại VPBank Quảng Bình

2.3.1.1. Diễn biến lãi suất tại VPBank Quảng Bình

Diễn biến lãi suất huy động, cho vay của chi nhánh- Bảng 2.4- cho thấy chênh lệch lãi suất cho vay – huy động đang có xu hướng giảm và không ổn định chứng tỏ mức độ khốc liệt trong cạnh tranh lãi suất trên địa bàn ngày càng gia tăng. Đây là thách thức lớn của chi nhánh. Sự biến động của lãi suất trong những tháng cuối năm 2009 đã gây ra tác động bất lợi đối với chi nhánh. Bảng 2.5 cho thấy sự mất cân đối về kỳ hạn trong cơ cấu dư nợ cho vay và huy động vốn tại VPBank Quảng Bình .

- Trong cơ cấu nguồn vốn của chi nhánh, nguồn vốn ngắn hạn luôn chiếm tỷ trọng cao (bình quân trên 85%), nguồn vốn trung, dài hạn thấp (dưới 20%). Do đó, việc cho vay trung và dài hạn của chi nhánh cũng hạn chế, dư nợ cho vay trung dài hạn trong năm 2010 chỉ đạt 12 tỷ trong khi đó nguồn vốn huy động đạt 98 tỷ đồng.

Đây là một bất lợi cho chi nhánh khi nguồn vốn huy động trung dài hạn lại dư thừa làm xuất hiện rủi ro lãi suất.

- Tốc độ tăng trưởng dư nợ là 120,24% trong lúc đó tốc độ tăng trưởng của nguồn vốn chỉ đạt 28,7%, như vậy sự mất cân đối kỳ hạn và tốc độ tăng của dư nợ và nguồn vốn huy động của chi nhánh sẽ làm xuất hiện rủi ro lãi suất.

2.3.1.2. Diễn biến rủi ro lãi suất tại VPBank Quảng Bình

**Bảng 2.7 Tình hình tài sản có- tài sản nợ nhạy cảm lãi suất
ngày 31/12/2010**

ĐVT: đồng

Hạn mục	Số dư
Tài sản Nhạy lãi suất	550,531,304,608
1. Tiền gửi tại các TCTD	1,116,647,108
2. Cho vay khách hàng	549,414,657,500
Nợ nhạy cảm lãi suất	421,305,599,325
1. TG của các TCTD	143,713,846,455
2. TG của khác hàng	277,591,752,870
GAPrs	129,225,705,283
Tỷ lệ nhạy cảm lãi suất	1.31

(Nguồn VPBank Quảng Bình)

$$\text{GAPrs} = \text{RSA-RSL}=129,225,705,283; \text{RSR}=1,31>1$$

Với cơ cấu tài sản nợ - có như trên, VPBank Quảng Bình sẽ chịu ảnh hưởng của rủi ro lãi suất. $\text{GAP} = 129,225,705,283 > 0$; $\text{RSR}=1,31 > 1$, ngân hàng đang ở trạng thái nhạy cảm tài sản và rủi ro khi lãi suất giảm. Khi lãi suất giảm thì thu lãi từ tài sản sẽ giảm nhiều hơn chi phí lãi suất cho nguồn vốn huy động. Mức chênh lệch giữa tài sản nợ nhạy cảm lãi suất và tài sản có nhạy cảm lãi suất là rất lớn làm cho rủi ro lãi suất sẽ rất lớn.

Mỗi phần trăm giảm xuống của lãi suất trong thời điểm này (giả sử lãi suất TSC, TSN biến động như nhau) sẽ làm thu nhập ngân hàng giảm đi 1,292,257,052 đồng.

Bảng 2.8. Tình hình rủi ro lãi suất của chi nhánh tại một số thời điểm trong năm 2010

Thời điểm	RSA	RSL	GAPrs
31/03/2010	206,403,171,103	168,479,956,532	37,923,214,571
30/06/2010	375,179,915,106	283,198,176,458	91,981,738,648
30/09/2010	430,871,680,197	335,519,645,789	95,352,034,408
31/12/2010	550,531,301,608	421,305,599,325	129,225,702,283

(Nguồn VPBank Quảng Bình)

Vì Ngân hàng tập trung cho vay ngắn hạn lớn trong khi đó khả năng huy động vốn ngắn hạn chưa tương xứng với nguồn này, do vậy TSC nhạy cảm với lãi suất lớn hơn TSN nhạy cảm lãi suất, nghĩa là khe hở nhạy cảm lãi suất là dương liên tục trong thời gian dài. Do vậy, nếu không tính đến việc điều hoà vốn giữa các ngân hàng trong hệ thống với nhau thì trong kỳ phân tích nếu lãi suất giảm thì chi nhánh sẽ chịu rủi ro lãi suất.

2.3.2. Thực trạng quản trị rủi ro lãi suất tại VPBank Quảng Bình

2.3.2.1. Thực trạng công tác quản lý lãi suất tại VPBank Quảng Bình

- *Về cách quản lý lãi suất:* Trước đây, lãi suất kinh doanh do hội sở quy định thống nhất trong toàn chi nhánh, khống chế ở một số loại hình tiền gửi và cho vay. Từ năm 2008 đến nay, đặc biệt từ sau quyết định 16/QĐ- NHNN (19/05/2008), Hội sở đã giao quyền xác định lãi suất tiền gửi, tiền vay cho chi nhánh phù hợp với địa bàn hoạt động với biên độ cho phép theo quy định của hội sở.

- *Về phương thức quản lý lãi suất:* Phương thức quản lý lãi suất của chi nhánh hầu hết theo cách cố định lãi suất hoàn toàn (đặc biệt là lãi suất tiền gửi).

- *Về việc xác định lãi suất trong kinh doanh:* Hiện nay, lãi suất chi nhánh được xác định trên cơ sở chênh lệch lãi suất tiền vay, tiền gửi

là thực dương và trên cơ sở lãi suất cơ bản cũng như định hướng lãi suất của NHNN công bố từng thời kỳ.

+ Phương pháp xác định lãi suất tiền vay: Tùy từng thời kỳ có cách xác định khác nhau, nhưng nhìn chung, không có cơ sở khoa học nào rõ ràng mà chủ yếu là dựa trên việc tham khảo lãi suất các NH trên địa bàn.

+ Phương pháp xác định lãi suất tiền gửi: Còn rất đơn giản, chủ yếu trên cơ sở dự kiến lãi suất đầu ra và chênh lệch lãi suất đầu ra - đầu vào.

2.3.2.2. *Thực trạng quản trị rủi ro lãi suất tại VPBank Quảng Bình*

- Thực trạng công tác tổ chức quản trị rủi ro lãi suất tại chi nhánh:

Hiện chi nhánh chưa có bộ phận chuyên biệt về quản trị rủi ro lãi suất.

+ Ở hội sở: Phòng Kế hoạch Nguồn vốn là bộ phận cập nhật sự biến động lãi suất thị trường và tham mưu cho tổng giám đốc về việc đề ra chính sách lãi suất của các chi nhánh.

+ Ở các chi nhánh: Phòng tín dụng là bộ phận thực hiện nghiệp vụ huy động vốn và cho vay, theo dõi chênh lệch lãi suất đầu ra - đầu vào và cân đối nguồn, sử dụng nguồn.

Nhìn chung, công tác này hiện chưa có sự quan tâm đúng mực tại chi nhánh.

- *Việc tổ chức nhận diện rủi ro lãi suất tại chi nhánh hiện nay:* Chi nhánh đã nhận thức được vai trò của rủi ro lãi suất đối với hoạt động kinh doanh ngân hàng và tính nhạy cảm của lãi suất với các biến số kinh tế, chi nhánh rất quan tâm đến sự biến động của lãi suất trên thị trường. Tuy nhiên, việc sử dụng các biện pháp phân tích nhận diện rủi ro lãi suất của chi nhánh chưa được thực hiện.

- *Việc đo lường và phân tích rủi ro lãi suất*

+ Chi nhánh vẫn chưa xây dựng một mô hình đo lường rủi ro lãi suất cụ thể nào cho riêng mình.

+ Việc lượng định rủi ro lãi suất chỉ dừng lại ở việc rà soát cơ cấu nguồn và sử dụng nguồn để xác định khuynh hướng rủi ro chứ chưa đi đến việc lượng định rủi ro một cách cụ thể và bài bản để tìm cách điều tiết phù hợp.

+ Hầu như ngân hàng chưa đánh giá được giá trị thị trường của tài sản và nợ ngân hàng thay đổi như thế nào, vốn của ngân hàng bị ảnh hưởng ra sao khi lãi suất thị trường thay đổi.

- *Vấn đề kiểm soát và tài trợ rủi ro lãi suất*

+ Về thực hiện kiểm soát rủi ro: Hiện chi nhánh đã có những biện pháp để phòng chống và ứng phó với rủi ro lãi suất như sau:

+ Chủ động cân đối về mặt kỳ hạn giữa tài sản có và tài sản nợ.

+ Điều chỉnh lãi suất đầu ra để duy trì chênh lệch lãi suất bình quân đầu vào- đầu ra

+ Sử dụng biện pháp điều chỉnh cơ cấu huy động và cho vay vốn

+ Cân đối phù hợp về mặt thời gian giữa TSC và TSN

+ Vấn đề tài trợ rủi ro lãi suất tại chi nhánh chưa được thực hiện

2.4. Những tồn tại và nguyên nhân của những tồn tại trong công tác Quản trị rủi ro lãi suất tại VPBank Quảng Bình

2.4.1. Những tồn tại trong công tác quản trị rủi ro lãi suất

2.4.1.1. Những tồn tại thuộc về quản lý lãi suất nói chung.

- Chưa xây dựng được chính sách lãi suất linh hoạt và hợp lý để đảm bảo hoạt động kinh doanh, hiệu quả, an toàn và lành mạnh.

- Lãi suất huy động vốn và cho vay của Ngân hàng chưa được xây dựng trên cơ sở khoa học và thực tiễn vững chắc, chủ yếu theo kinh nghiệm.

- Phương thức quản lý lãi suất còn theo cách cố định lãi suất hoàn toàn. Đặc biệt lãi suất tiền gửi hầu như được cố định hoàn toàn.

2.4.1.2. Những tồn tại thuộc về quản trị rủi ro lãi suất

- Chưa hoàn thiện về mặt tổ chức quản lý rủi ro lãi suất: NH chỉ quan tâm đến các loại rủi ro như: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản...còn đối với rủi ro lãi suất thì chưa có được sự chú trọng đáng kể.

- Chưa thiết lập hạn mức rủi ro và cơ chế giám sát rủi ro thích hợp

- Việc đo lường rủi ro lãi suất còn nhiều bất cập: việc lượng định rủi ro lãi suất chỉ dừng lại ở công tác rà soát cơ cấu nguồn và sử dụng nguồn để xác định khuynh hướng rủi ro.

- Công tác thông tin, dự báo trong ngân hàng còn hạn chế, dẫn đến ảnh hưởng đến công tác quản trị rủi ro lãi suất.

2.4.2. Nguyên nhân của những tồn tại trong công tác quản trị rủi ro lãi suất tại VPBank Quảng Bình.

2.4.2.1. Nguyên nhân chủ quan

- Chưa nhận thức một cách đầy đủ vai trò của rủi ro lãi suất trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

- Đội ngũ quản trị điều hành và nhân viên của đơn vị chưa đáp ứng được yêu cầu công tác quản trị rủi ro lãi suất.

- Công nghệ thông tin chưa đáp ứng được công tác điều hành và quản lý rủi ro.

- Cạnh tranh không lành mạnh giữa các ngân hàng là nguyên nhân gây ra rủi ro lãi suất

2.4.2.2. Nguyên nhân khách quan.

Hành lang pháp lý cho hoạt động quản trị rủi ro lãi suất chưa được hoàn thiện. Thị trường tiền tệ Việt Nam chưa phát triển, vai trò điều tiết của NHNN còn mờ nhạt. Môi trường về thông tin hạn chế làm ảnh hưởng đến hiệu quả quản trị rủi ro lãi suất của NHTM. Mức độ quan tâm của Doanh nghiệp về giao dịch công cụ phái sinh và vấn đề phòng chống rủi ro lãi suất còn thấp.

Chương 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN TRỊ RỦI RO LÃI SUẤT TẠI VPBANK QUẢNG BÌNH.

3.1. Định hướng trong hoạt động quản trị rủi ro lãi suất của NH trong thời gian tới.

3.1.1. Những thách thức của ngành ngân hàng trong thời gian đến

- Lợi thế cạnh tranh có nguy cơ suy giảm đối với các tổ chức tín dụng (TCTD) trong nước khi số lượng các ngân hàng có tiềm lực mạnh về tài chính, công nghệ và trình độ quản lý tham gia vào thị trường tài chính nội địa ngày càng tăng.

- Mở cửa thị trường tài chính trong nước cũng làm gia tăng rủi ro do những tác động từ bên ngoài.

- Vấn đề qui mô và năng lực tài chính của các định chế tài chính còn rất nhỏ bé so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Cho tới thời điểm hiện nay, chưa có một định chế tài chính nào có phạm vi hoạt động mang tính khu vực và toàn cầu.

- Cấu trúc của khu vực ngân hàng hiện nay đã đa dạng về hình thức sở hữu và loại hình hoạt động

3.1.2. Chiến lược phát triển của VPBank trong thời gian tới.

- Trở thành một ngân hàng đô thị đa năng với định hướng bán lẻ, đẩy mạnh tài trợ xuất khẩu, kinh doanh trên thị trường tiền tệ, thị trường vốn và kinh doanh ngoại hối

- Chú trọng khách hàng và phân khúc thị trường
- Chiến lược và chính sách phát triển công nghệ
- Chiến lược phát triển mạng lưới giao dịch và kênh phân phối
- Mô hình tổ chức, chiến lược đào tạo, phát triển nguồn nhân lực
- Chiến lược Marketing – PR – xây dựng và phát triển thương hiệu
- Chiến lược và chính sách quản trị rủi ro lãi suất

3.2. Giải pháp hoàn thiện quản trị rủi ro lãi suất tại VPBank Quảng Bình.

3.2.1. Nhà quản trị ngân hàng cần nâng cao nhận thức về quản trị rủi ro lãi suất

- Kiến thức về quản trị NH hiện đại còn đang là hạn chế đối với các nhà quản trị tại chi nhánh
- Các nhà quản trị chỉ quan tâm đến các quyết định về cho vay, huy động.

3.2.2. Hoàn thiện công tác tổ chức quản trị rủi ro lãi suất.

3.2.2.1 Xác định trách nhiệm của các bộ phận tham gia vào qui trình quản trị rủi ro lãi suất .

- Hoạt động quản trị rủi ro lãi suất không phải và không thể là một hoạt động tách rời, mà là hoạt động gắn liền với việc quản trị tài sản nợ- tài sản có. Vì vậy, để quản lý rủi ro lãi suất có hiệu quả, đòi hỏi có sự tham gia của rất nhiều các bộ phận, phòng ban với chức năng khác nhau trong cùng một chi nhánh.

3.2.2.2. Thực hiện qui trình, qui chế hoá hoạt động quản trị rủi ro lãi suất

- Ngân hàng cần ban hành chính sách quản trị rủi ro lãi suất tại chi nhánh.
- Xây dựng và ban hành qui trình quản trị rủi ro lãi suất tại chi nhánh

3.2.3. Hoàn thiện chính sách quản lý lãi suất tại VPBank Quảng Bình.

3.2.3.1. Xây dựng chính sách lãi suất linh hoạt đáp ứng yêu cầu cạnh tranh trong giai đoạn hiện nay .

- + Chính sách lãi suất phải linh hoạt đối với từng đối tượng và nhóm khách hàng khác nhau.

+ Nâng cao quyền tự chủ của các chi nhánh trực thuộc trong việc quyết định lãi suất huy động và cho vay vốn.

3.2.3.2. Hoàn thiện phương pháp hoạch định chính sách tiền gửi và cho vay.

- Phương pháp xác định lãi suất huy động

- Phương pháp xác định lãi suất tài sản sinh lời.

3.2.3.3. Thực hiện quản lý lãi suất theo phương pháp kết hợp lãi suất thả nổi và cố định.

Theo kinh nghiệm của các ngân hàng trên thế giới: trước khi đi đến một quyết định nào thì họ thường áp dụng lãi suất cố định đối với các khoản tiền gửi và cho vay ngắn hạn. Áp dụng lãi suất thả nổi đối với các khoản tiền gửi và cho vay trung, dài hạn.

3.2.4. Lựa chọn phương pháp định lượng rủi ro lãi suất phù hợp.

Phương pháp phân tích tài sản và nợ nhạy cảm lãi suất.

Để sử dụng phương pháp này chi nhánh cần:

Phân loại tài sản và nợ nhạy cảm với lãi suất theo các kỳ hạn khác nhau và trên cơ sở dự đoán mức độ biến động của lãi suất, sẽ tiến hành lượng định các mức độ rủi ro mà ngân hàng có thể gánh chịu theo công thức sau :

*** Lãi lỗ do biến động của lãi suất = Độ lệch lũy kế X mức độ biến động của lãi suất.**

Phương pháp lượng định rủi ro lãi suất bằng cách đo độ lệch giữa tài sản và nợ nhạy cảm lãi suất là đơn giản, dễ tính toán mức độ ảnh hưởng của rủi ro lãi suất đến thu nhập ngân hàng. Tuy nhiên phương pháp này chỉ tính toán giá trị kế toán của thu nhập ngân hàng bị ảnh hưởng chứ chưa đề cập đến sự thay đổi giá trị thị trường của vốn ngân hàng.

3.2.5. Sử dụng các biện pháp nội bảng và ngoại bảng để phòng chống rủi ro lãi suất

3.2.5.1. Biện pháp nội bảng

+ Phương pháp tiền gửi và cho vay để thay đổi cơ cấu kỳ hạn tài sản và nợ theo hướng có lợi cho ngân hàng khi lãi suất biến động.

+ Ngân hàng điều chỉnh bảng cân đối tài sản bằng cách mua bán chứng khoán, chủ yếu là các chứng khoán dễ chuyển đổi .

3.2.5.2. Biện pháp ngoại bảng

- Sử dụng các nghiệp vụ phái sinh trên thị trường tiền tệ.

- Biện pháp điều chỉnh cơ cấu huy động và đầu tư có nhược điểm là kém nhạy cảm, phản ứng chậm, hiệu quả phòng ngừa chưa cao. Do vậy, về lâu dài ngân hàng nên sử dụng biện pháp điều tiết thông qua thị trường chứng khoán và thị trường tiền tệ. Chẳng hạn việc mua bán các trái phiếu, tín phiếu trên thị trường chứng khoán hoặc sử dụng các nghiệp vụ phái sinh phòng chống rủi ro lãi suất.

- Ngoài nghiệp vụ hoán đổi lãi suất đã cho phép thực hiện, ngân hàng cần có sự chuẩn bị để áp dụng các công cụ phái sinh vào việc phòng chống rủi ro lãi suất .

- Các nghiệp vụ kỳ hạn và nghiệp vụ quyền chọn cần quan tâm thực hiện trước vì phù hợp với điều kiện ngân hàng hiện nay, các nghiệp vụ về Hợp đồng tương lai và nghiệp vụ sử dụng công cụ phái sinh nên có sự chuẩn bị để sử dụng trong tương lai

3.2.6. Tăng cường kiểm soát nội bộ đối với rủi ro lãi suất .

Việc kiểm soát rủi ro lãi suất được thực hiện thông qua các việc:

3.2.6.1. Thiết lập hệ thống hạn mức rủi ro lãi suất:

Để kiểm soát rủi ro lãi suất chi nhánh cần thiết lập các hạn mức rủi ro sau: Hạn mức về trạng thái, hạn mức về tổn thất

3.2.6.2. Hoàn thiện hệ thống thông tin phục vụ quản trị rủi ro lãi suất

- Bố trí cán bộ có năng lực và trách nhiệm trong khâu thu thập và phân tích thông tin.

- Tập trung khai thác tốt hệ thống MIS đang có.

3.2.6.3. Quan tâm đến công tác dự báo trong ngân hàng .

Chi nhánh cần chú trọng đến những giải pháp sau :

+ Thứ nhất, cần quan tâm hơn nữa đến công tác huấn luyện những người làm công tác dự báo trong ngân hàng..

+ Thứ hai, đối với quản trị rủi ro lãi suất cần có những phương pháp khoa học dự báo sự biến động trong cơ cấu tài sản, nợ và sự biến động của lãi suất.

3.2.6.4. Thực hiện tốt chế độ báo cáo.

Gồm những báo cáo sau: Báo cáo phân tích sự khác biệt kỳ hạn. Báo cáo phân tích đường cong lãi suất. Báo cáo phân tích tài sản và nợ theo độ nhạy cảm lãi suất.

3.2.7. Tổ chức giám sát công tác quản trị rủi ro lãi suất

- Xây dựng bộ phận giám sát và kiểm soát rủi ro hoàn toàn độc lập với những bộ phận khác và bộ phận này báo cáo tình trạng rủi ro lãi suất trực tiếp đến nhà quản trị ngân hàng

- Thay đổi phương pháp và kỹ thuật kiểm toán theo hướng áp dụng kỹ thuật kiểm toán hiện đại: Như kiểm toán định hướng theo rủi ro, sử dụng các chương trình kiểm toán phù hợp.

Quản lý theo nguyên tắc “4 mắt”, cụ thể: Phải có sự tách bạch giữa hoạt động kinh doanh và theo dõi; giữa tinh thần chịu trách nhiệm và kiểm soát lợi nhuận/ lỗ lãi. Duy trì sự kiểm tra và cân bằng trong quá trình quản lý rủi ro

- Thực hiện văn hóa rủi ro trong quản lý rủi ro lãi suất

Công tác kiểm soát rủi ro lãi suất được làm khoa học và thường xuyên sẽ làm cho công tác quản trị rủi ro lãi suất đạt hiệu quả cao

3.2.8. Ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại vào quản trị rủi ro lãi suất .

3.2.9. Nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ và nhân viên ngân hàng.

- Chú ý tuyển chọn những nhân viên có trình độ, chuyên môn về ngân hàng vào làm việc ở các bộ phận.

- Tiến hành một cách đồng bộ và toàn diện việc đào tạo lại và cập nhật kiến thức cho quản trị viên và nhân viên ngân hàng

3.3. Các kiến nghị với NHNN góp phần hỗ trợ các NHTM trong công tác quản trị rủi ro lãi suất

3.3.1. Hoàn thiện các qui định pháp lý về quản trị rủi ro lãi suất tại các NHTM.

- NHNN cần ban hành các qui định, hướng dẫn về việc thiết lập hệ thống giám sát và đo lường rủi ro lãi suất tại các NHTM. Bên cạnh đó cần bổ sung vào qui chế giám sát của thanh tra NHNN những nội dung về đánh giá rủi ro lãi suất tại các NHTM.

- NHNN sớm ban hành các qui định cho phép thực hiện các công cụ phái sinh hiện đại để NHTM có công cụ để điều tiết rủi ro lãi suất.

- Xây dựng đường công lãi suất chuẩn để từ đó ổn định lãi suất trên thị trường tiền tệ, giúp các ngân hàng thương mại hạn chế được rủi ro lãi suất.

3.3.2. Hoàn thiện cơ chế lãi suất định hướng và nâng cao vai trò điều tiết lãi suất của NHNN.

- Lãi suất cơ bản của NHNN cần sát với lãi suất thị trường hơn và nên công bố theo kịp diễn biến thị trường.

- Nâng cao vai trò điều tiết thị trường của lãi suất trên thị trường mở, thị trường tiền tệ.

3.3.3. Phát triển thị trường tiền tệ, tạo điều kiện cho các NHTM hoàn thiện quản trị rủi ro lãi suất .

- Phát triển thị trường tiền tệ để nâng cao vai trò điều tiết của NHNN đối với lãi suất thị trường và có cơ sở để dự báo lãi suất .

3.4. Kiến nghị đối với VPBank.

- Ban hành văn bản tạo hành lang pháp lý cho hoạt động quản trị rủi ro lãi suất tại các chi nhánh trực thuộc

- Xây dựng quy trình quản trị rủi ro lãi suất, sử dụng mô hình lượng hóa rủi ro lãi suất phù hợp với quy mô hoạt động của ngân hàng mình.

- Trang bị phần mềm tin học cho phép truy xuất các dữ liệu cần thiết cho hoạt động quản trị rủi ro lãi suất.

- Cần thành lập trung tâm nghiên cứu và dự báo về lãi suất

NHNN hoặc hiệp hội ngân hàng nên thành lập trung tâm chuyên theo dõi, nghiên cứu, để đưa ra các dự báo lãi suất.

KẾT LUẬN

Quá trình tự do hoá lãi suất cùng với xu thế hội nhập của ngành ngân hàng Việt Nam vừa tạo điều kiện cho các NHTM có nhiều cơ hội kinh doanh, tạo động lực cho ngân hàng trong việc cạnh tranh nhưng cũng để lại nguy cơ về rủi ro lãi suất rất cao. Vì vậy, nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị rủi ro lãi suất là nhiệm vụ cần thiết phải thực hiện đối với NHTM hiện nay.

Xuất phát từ các vấn đề trên, luận văn đã giải quyết được các vấn đề sau:

- Luận văn đã trình bày cơ sở lý luận về lãi suất trong nền kinh tế thị trường, bao gồm khái niệm, phân loại lãi suất, các nhân tố tác động đến lãi suất. Luận văn cũng đi vào nghiên cứu lãi suất trong kinh doanh ngân hàng, nghiên cứu mục tiêu, qui trình và các phương pháp quản trị rủi ro lãi suất tại NHTM.

- Chính sách lãi suất của NHNN qua từng thời kỳ ảnh hưởng đến công tác quản trị rủi ro lãi suất tại các NHTM cũng được nghiên cứu trong luận văn. Trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn rủi ro lãi suất, quản trị lãi suất chung và quản trị rủi ro lãi suất tại VPBank Quảng Bình. Luận văn đã nêu ra những mặt đạt được và những mặt còn tồn tại của công tác này, đồng thời tìm ra nguyên nhân của những tồn tại đó. Từ đó đưa ra các giải pháp, kiến nghị về công tác quản trị rủi ro lãi suất tại VPBank Quảng Bình.

- Từ công tác quản trị rủi ro lãi suất tại VPBank Quảng Bình để đạt được hiệu quả, ngân hàng cần quan tâm đến hai nhóm giải pháp và kiến nghị. Nhóm giải pháp đối với bản thân VPBank Quảng Bình và nhóm kiến nghị đối với VPBank HO và NHNN.

Những kết quả nghiên cứu trên chắc chắn chưa giải quyết một cách mỹ mãn yêu cầu của đề tài do các vấn đề đưa ra còn có những thiếu sót và những giải pháp được nêu tất yếu còn cần nghiên cứu thêm. Tác giả rất mong nhận được sự chỉ dẫn của thầy cô và những góp ý, trao đổi của bạn đọc để đề tài được hoàn thiện hơn.